TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **144** /2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

Ông **Trần Mạnh H** - sinh năm: 1993; Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: xã T, thị xã A, tỉnh G

Bà **Trần Thị P** – sinh năm: 1996; Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: 216 N, phường A, quận S, Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 cấp ngày 03/10/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P xác định: Sau khi kết hôn ông H công tác tại G, còn bà Phượng sinh sống, làm việc tại quận S, Tp Đ. Đến năm 2016, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng nhau, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con cái, do điều kiện công tác của cả hai xa nhau nên ít có thời gian quan tâm nhau, tình cảm ngày càng rạn nứt, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Hiện nay hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay ông H, bà P xác định không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông H, bà P lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H, bà P là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P xác định có 02 con chung là Trần Thanh T– Sinh ngày: 20/9/2016 và Trần Gia H – sinh ngày: 24/4/2019. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Trần Thanh T cho ông Trần Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao con Trần Gia H cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có

[6] Các vấn đề khác: ông H, bà P xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0006181 ngày 01/7/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P *(Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh N cấp ngày 03/10/2016 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P xác định có 02 con chung là Trần Thanh T – Sinh ngày: 20/9/2016 và Trần Gia H – sinh ngày: 24/4/2019. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Trần Thanh T cho ông Trần Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao con Trần Gia H cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

- Các vấn đề khác: ông H, bà P xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị P mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0006181 ngày 01/7/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND xã T, huyện Đ, N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh